

Name: _____

Score: ____ / 29

QUICK CHECK – 21.11.2025*Exercise 1: Fill in the blanks with the correct words.*

struggle	landscape	well	expect	east
equal	north	compile	apartment	

		
1.	2.	3.
		
4.	5.	6.
		
7.	8.	9.

Exercise 2: Write the English words/phrases or Vietnamese meanings.

No.	English	Vietnamese	No.	English	Vietnamese
1	astounding (adj)		11	(adv)	do đó
2	(n)	tiến bộ	12	be in _____ of ..	có nguy cơ ..
3	in _____	thêm nữa	13	(adj)	áp đảo, gây choáng ngợp
4	daily (adv)		14	lead to sth = result in = cause sth	
5	(n)	trải nghiệm	15	force sb to do sth	

6	encounter (v)		16	endless (adj)	
7	(v)	giải quyết	17	(adj)	thay thế
8	intention (n)		18	implement (v)	
9	meet the demand		19	(n)	mục đích
10	(n)	sự thất nghiệp	20	diversity (n)	